



www.trithucviet.com.vn

Member of
Allinial
GLOBAL®
An association of legally independent firms

CÔNG TY TNHH TRI THỨC VIỆT

BẢN TIN NGHIỆP VỤ THÁNG 06 NĂM 2026



 WWW.TRITHUCVIET.GROUP

 INFO@TRITHUCVIET.COM.VN



PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 144/2026/NĐ-CP ngày 05/05/2026 sửa đổi Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng được sửa đổi bởi Nghị định 359/2025/NĐ-CP (Ngày ban hành 05/05/2026; Ngày có hiệu lực 20/06/2026)
2. Nghị định 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026 (Ngày ban hành 27/06/2026; Ngày có hiệu lực 27/06/2026)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - BẢO HIỂM

1. Thông tư 09/2026/TT-BNV ngày 15/05/2026 sửa đổi Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành (Ngày ban hành 15/05/2026; Ngày có hiệu lực 30/06/2026)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 239/2026/NĐ-CP ngày 26/06/2026 sửa đổi Nghị định 81/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi theo Nghị định 128/2024/NĐ-CP (Ngày ban hành 26/06/2026; Ngày có hiệu lực 26/06/2026)
2. Nghị định 127/2026/NĐ-CP ngày 06/04/2026 về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal (Ngày ban hành 06/04/2026; Ngày có hiệu lực 01/06/2026)
3. Nghị định 193/2026/NĐ-CP ngày 01/06/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (Ngày ban hành 01/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
4. Thông tư 73/2026/TT-BTC ngày 25/06/2026 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 25/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT KHÁC

1. Nghị quyết 141/NQ-CP ngày 01/06/2026 về chính sách của Luật sửa đổi Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do Chính phủ ban hành (Ngày ban hành 01/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/06/2026)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 144/2026/NĐ-CP ngày 05/05/2026 sửa đổi Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng được sửa đổi bởi Nghị định 359/2025/NĐ-CP (Ngày ban hành 05/05/2026; Ngày có hiệu lực 20/06/2026)

Quy định mới về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho khoản trả chậm, trả góp trên 5 triệu: Khoản trả chậm, trả góp trên 5 triệu chưa đến hạn thanh toán vẫn được khấu trừ GTGT đầu vào. Cụ thể:

-Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

-Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

-Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

-Trường hợp sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026 (Ngày ban hành 27/06/2026; Ngày có hiệu lực 27/06/2026)

Thời gian gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất trong năm 2026. Trong đó, quy định về thời gian gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026 như sau:

(1) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả số thuế giá trị gia tăng phải phân bổ, số thuế phải nộp theo từng lần phát sinh) tối đa là 05 tháng.

Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tối đa là 05 tháng.

Cụ thể như sau:

- Kỳ tính thuế tháng 5 năm 2026 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2026;
- Kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2026 chậm nhất là ngày 21 tháng 12 năm 2026;
- Kỳ tính thuế quý II năm 2026 chậm nhất là ngày 02 tháng 11 năm 2026;
- Kỳ tính thuế quý III năm 2026 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2026.

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026 (Ngày ban hành 27/06/2026; Ngày có hiệu lực 27/06/2026)

Lưu ý: không áp dụng đối với số thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu.

(2) Thời gian gia hạn đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý II năm 2026 là 03 tháng; thời gian gia hạn đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý III năm 2026 là 02 tháng, cụ thể như sau:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý II năm 2026 chậm nhất ngày 02 tháng 11 năm 2026;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý III năm 2026 chậm nhất ngày 30 tháng 12 năm 2026.

(3) Thời gian gia hạn đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2026 là 05 tháng, cụ thể như sau:

- Đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2026 (là số tiền thuê đất phải nộp kỳ thứ nhất năm 2026) của người nộp thuế đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm: thời hạn nộp tiền thuê đất được gia hạn chậm nhất là ngày 02 tháng 11 năm 2026;

- Quy định tại điểm a khoản này áp dụng cả trường hợp người nộp thuế có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của Nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 245/2026/NĐ-CP .

(Tiếp theo)

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM

1. Thông tư 09/2026/TT-BNV ngày 15/05/2026 sửa đổi Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành (Ngày ban hành 15/05/2026; Ngày có hiệu lực 30/06/2026)

Tài liệu chứng minh việc xuất khẩu lao động phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận

Cụ thể, tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 09/2026/TT-BNV sửa đổi Điều 5 Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH quy định về tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động như sau:

(1) Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a hoặc Đài Loan (Trung Quốc).

(2) Đối với thị trường Nhật Bản, Chương trình thuyền viên tàu cá gần bờ của thị trường Hàn Quốc:

- Trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

- Trường hợp bên tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc danh sách các đoàn thể quản lý, các tổ chức được phép tiếp nhận thực tập sinh kỹ năng, lao động kỹ năng đặc định, lao động phát triển kỹ năng người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản cung cấp cho phía Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác đã được ký kết (đối với thị trường Nhật Bản).

(Tiếp theo)

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM

1. Thông tư 09/2026/TT-BNV ngày 15/05/2026 sửa đổi Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành (Ngày ban hành 15/05/2026; Ngày có hiệu lực 30/06/2026)

(3) Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:

- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;
- 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện việc tiếp nhận lao động nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận, kèm bản dịch tiếng Việt.

(4) Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại (3), trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:

- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;
- 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;
- Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại (3).

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 239/2026/NĐ-CP ngày 26/06/2026 sửa đổi Nghị định 81/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi theo Nghị định 128/2024/NĐ-CP (Ngày ban hành 26/06/2026; Ngày có hiệu lực 26/06/2026)

Theo đó, hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các quy định sau:

- Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xì số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc kê đơn (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại theo quy định tại Điều 100 Luật Thương mại.
- Tiền có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 11 Nghị định 81/2018.

(Trước đây quy định hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các quy định cụ thể sau:

- Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không bao gồm rượu, xì số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc) dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ khác bị cấm khuyến mại theo quy định của pháp luật.

(Tiếp theo)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 239/2026/NĐ-CP ngày 26/06/2026 sửa đổi Nghị định 81/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi theo Nghị định 128/2024/NĐ-CP (Ngày ban hành 26/06/2026; Ngày có hiệu lực 26/06/2026)

- Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xô số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại khác theo quy định của pháp luật.

- Tiền có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 11 Nghị định 81/2018.)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

2. Nghị định 127/2026/NĐ-CP ngày 06/04/2026 về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal (Ngày ban hành 06/04/2026; Ngày có hiệu lực 01/06/2026)

Quy định về tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal từ ngày 01/6/2026. Theo đó quy định về tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal như sau:

(1) Tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal được xây dựng, công bố và áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Quá trình xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal phải bảo đảm có sự tham gia của đại diện Bộ Dân tộc và Tôn giáo và chuyên gia là người Hồi giáo có chuyên môn về các yêu cầu Halal trong quá trình tham vấn, thẩm định các nội dung liên quan.

(2) Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài về sản phẩm, dịch vụ Halal thực hiện như sau:

- Trường hợp sản xuất sản phẩm, dịch vụ Halal để xuất khẩu:

Cơ sở sản xuất áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal theo yêu cầu, thỏa thuận hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

- Trường hợp sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ Halal để tiêu thụ trong nước:

Cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo về sản phẩm, dịch vụ Halal

(3) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm, dịch vụ Halal của mình đối với các sản phẩm, dịch vụ chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo tương ứng. Tiêu chuẩn cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu chung của các tiêu chuẩn Halal quốc tế, khu vực được thừa nhận rộng rãi.

Các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ Halal theo quy định tại Mục (1), (2), (3) trên đây không được trái với các quy định pháp luật của Việt Nam.

(Tiếp theo)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

3. Nghị định 193/2026/NĐ-CP ngày 01/06/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (Ngày ban hành 01/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án từ 01/07/2026

Theo đó, quy định về hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án chi tiết như sau:

- Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán (hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc chương trình quản lý văn bản và điều hành theo quy định). Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:

+ Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.

+ Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình).

+ Hồ sơ thẩm tra quyết toán của cơ quan chủ trì thẩm tra khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.

- Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính sau:

+ Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.

+ Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.

+ Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

+ Kiến nghị giải quyết các tồn tại về vốn đầu tư, tài sản và công nợ, vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án.

- Quyết định phê duyệt quyết toán được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán (hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư).

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

4. Thông tư 73/2026/TT-BTC ngày 25/06/2026 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 25/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán vốn đầu tư dự án.

Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án. Thông tin, số liệu được lấy tại ngày chủ đầu tư khóa sổ lập báo cáo quyết toán hoặc ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Hệ thống mẫu biểu gồm:

- Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án: Mẫu số 01/QTDA.
- Danh mục văn bản: Mẫu số 02/QTDA.
- Bảng đối chiếu số liệu: Mẫu số 03/QTDA.
- Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Mẫu số 04/QTDA.
- Chi tiết giá trị tài sản hình thành: Mẫu số 05/QTDA.
- Chi tiết giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: Mẫu số 06/QTDA.
- Tình hình công nợ của dự án: Mẫu số 07/QTDA.
- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án (dùng cho dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị): Mẫu số 08/QTDA.
- Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia: Mẫu số 09/QTDA.
- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiêu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập): Mẫu số 10/QTDA.
- Báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm: Mẫu số 11/QTDA (bao gồm cả phần lời và mẫu biểu).
- Phiếu giao nhận Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án: Mẫu số 12/QTDA.

(Tiếp theo)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT KHÁC

1. Nghị quyết 141/NQ-CP ngày 01/06/2026 về chính sách của Luật sửa đổi Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do Chính phủ ban hành (Ngày ban hành 01/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/06/2026)

02 chính sách của Luật sửa đổi 4 Luật lĩnh vực thương mại

Theo đó, Nghị quyết 141/NQ-CP năm 2026 thông qua 02 Chính sách của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo đề xuất của Bộ Công Thương tại các Tờ trình 2138/TTr-BCT năm 2026, Tờ trình 3390/TTr-BCT năm 2026 và Tờ trình 374/BC-BCT năm 2026, cụ thể như sau:

Chính sách 1: Phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo hướng:

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại trong Luật Thương mại và thủ tục đăng ký con dấu trong hoạt động giám định thương mại.
- Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Luật Quản lý ngoại thương nhằm cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại.
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong thực thi pháp luật cạnh tranh nhằm đảm bảo tinh gọn, rõ ràng, minh bạch.

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT KHÁC

1. Nghị quyết 141/NQ-CP ngày 01/06/2026 về chính sách của Luật sửa đổi Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do Chính phủ ban hành (Ngày ban hành 01/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/06/2026)

Chính sách 2: Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân từ pháp luật theo hướng: Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các quy định của Luật Thương mại với 2 nhóm vấn đề:

- (i) Tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn trong quy định về “hàng giả” trong Luật Thương mại.
- (ii) Bãi bỏ và sửa đổi một số quy định của Luật Thương mại nhằm bảo đảm thống nhất pháp luật và thúc đẩy môi trường kinh doanh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các quy định của Luật Quản lý ngoại thương; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các quy định của Luật Cạnh tranh.

Bộ Công Thương sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ, hoàn thiện nội dung các chính sách bảo đảm thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trên cơ sở đó chủ động tổ chức xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định, trình Chính phủ trước ngày 10 tháng 7 năm 2026.



www.trithucviet.com.vn



TỔNG KẾT

Tháng 06/2026 ghi nhận nhiều chính sách mới về thuế, lao động, đầu tư và thương mại. Nổi bật là quy định mới về khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa mua trả chậm, gia hạn thời hạn nộp một số sắc thuế và tiền thuê đất năm 2026, cùng các quy định mới về lao động đi làm việc ở nước ngoài, quyết toán vốn đầu tư dự án và cải cách thủ tục trong lĩnh vực thương mại.

Lưu ý:

Bản tin này chỉ mang tính tham khảo doanh nghiệp hoặc cá nhân nên xem toàn văn và nếu cần nên hỏi ý kiến chuyên gia pháp lý để đảm bảo tuân thủ đúng thủ tục và biểu mẫu.

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Hồ Chí Minh:

- Số 835A Đại lộ Bình Dương, Phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0274) – 3856 219
Email: info@trithucviet.com.vn
- Lầu 3, Số 9 Phan Kế Bính, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) – 39118 830
Email: hcm@trithucviet.com.vn

Hà Nội:

- Số 15 Ngõ 2, Thọ Tháp, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Email: hanoi@trithucviet.com.vn

Khánh hòa:

- 220 Trường chinh, Phường Ninh Chữ, Khánh Hòa
Hotline: 0918 757 239

Gia Lai:

- 123D Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
Hotline: 0935 003 125

